

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 14-7-2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Diệu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Chính;  
Ông Võ Minh Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Như Y, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Như Y tự nguyện kết hôn từ năm 1998, hôn nhân có tổ chức đám cưới, gả theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định vì không am hiểu pháp luật.

*Lý do xin ly hôn:* Trong quá trình chung sống, lúc đầu đời sống vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được nên ông S yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Như Y.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Nhật L (nam), sinh ngày 17/01/1999;

Nguyễn Ái L (nữ), sinh ngày 13/3/2003.

Các người con đã trưởng thành nên khi ly hôn, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản, nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn bà Nguyễn Như Y*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà Y không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông S yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, việc cấp dưỡng, về tài sản và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Nguyễn Như Y vắng mặt 02 lần không có lý do.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn S trình bày: Vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, ngoài ra không có yêu cầu khác. Ông S và bà Y ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng không hàn gắn được hôn nhân.

Bị đơn, bà Nguyễn Như Y vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng**

Ông Nguyễn Văn S yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Như Y, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà Y cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Như Y đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Y.

### **[2]. Về nội dung vụ án**

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Như Y chung sống vào năm 1998, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà Nguyễn Như Y không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông S. Hội đồng xét xử thấy ông S và bà Y chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì quan hệ của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Như Y không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Nhật L (nam), sinh ngày 17/01/1999;

Nguyễn Ái L (nữ), sinh ngày 13/3/2003.

Các người con đã trưởng thành, khi ly hôn ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông S được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Như Y.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Nhật L (nam), sinh ngày 17/01/1999;

Nguyễn Ái L (nữ), sinh ngày 13/3/2003.

Các người con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc trông nom, nuôi dưỡng.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng, ông S được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015528 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, ông S không phải nộp thêm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Diệu Hiền**